

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0006304.23
MSM: VT.23.1999.NT02

Tên mẫu : Nước thải
Tên khách hàng : **KHU CÔNG NGHIỆP MỸ XUÂN B1 - CONAC**
Địa điểm lấy mẫu : phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 11/09/2023
Ngày trả kết quả : 20/09/2023

VIMCERTS 075

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT
				NT02	Cột A
1	COD ^(#)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	17	75
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(#)	mg/L	TCVN 6625:2000	9	50
3	Asen (As) ^(#)	mg/L	SMEWW 3114C:2017	KPH LOD=0,0005	0,05
4	Thủy ngân (Hg) ^(#)	mg/L	SMEWW 3112B:2017	KPH LOD= 0,0003	0,005
5	Chì (Pb) ^(#)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH LOD= 0,002	0,1
6	Cadimi (Cd) ^(#)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH LOD= 0,0002	0,05

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT02: Nước thải đầu ra (X: 1175666; Y: 0424832);
- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- ^(#): Thông số được chứng nhận Vilas.

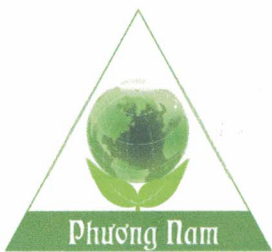
Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

Giám đốc Trung tâm



Đinh Tấn Thu



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0015269.23
MSM: VT.23.5208.NT02

Tên mẫu : Nước thải
Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO
Địa điểm lấy mẫu : KCN Mỹ Xuân B1-CONAC, Phường Mỹ Xuân, Tx. Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa -
Vũng Tàu
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 12/12/2023
Ngày trả kết quả : 20/12/2023



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT
				NT02	Cột A
1	COD ^(#)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	21	75
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(#)	mg/L	TCVN 6625:2000	10	50
3	Asen (As) ^(#)	mg/L	SMEWW 3114C:2017	KPH LOD= 0,00050	0,05
4	Thủy ngân (Hg) ^(#)	mg/L	SMEWW 3112B:2017	KPH LOD= 0,00030	0,005
5	Chì (Pb) ^(#)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH LOD= 0,0020	0,1
6	Cadimi (Cd) ^(#)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH LOD= 0,00020	0,05

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT02: Nước thải đầu ra (X: 1175666; Y: 0424832);
- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- ^(#): Thông số được chứng nhận Vilas.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

Giám đốc Trung tâm



Đinh Tấn Thu



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0002751.24
MSM: VT.24.0800.NT02

Tên mẫu : Nước thải
Tên khách hàng : KHU CÔNG NGHIỆP MỸ XUÂN B1 - CONAC
Địa điểm lấy mẫu : Phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 18/03/2024
Ngày trả kết quả : 30/03/2024

VIMCERTS 075

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT
				NT02	Cột A
1	COD ^(#)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	20	75
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(#)	mg/L	TCVN 6625:2000	KPH LOD = 5	50
3	Asen (As) ^(#)	mg/L	SMEWW 3114C:2017	KPH LOD=0,0005	0,05
4	Thủy ngân (Hg) ^(#)	mg/L	SMEWW 3112B:2017	KPH LOD= 0,0003	0,005
5	Chì (Pb) ^(#)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH LOD= 0,002	0,1
6	Cadimi (Cd) ^(#)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH LOD= 0,0002	0,05

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT02: Nước thải đầu ra (X: 1175666; Y: 0424832);
- KPH: Không phát hiện/LOD: Giới hạn phát hiện;
- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- ^(#): Thông số được chứng nhận Vilas.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

Giám đốc Trung tâm



Đinh Tấn Thu



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0006785.24
MSM: VT.24.2458.NT02

Tên mẫu : Nước thải
Tên khách hàng : KHU CÔNG NGHIỆP MỸ XUÂN B1 - CONAC
Địa điểm lấy mẫu : Phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 18/06/2024
Ngày trả kết quả : 01/07/2024

VIMCERTS 075

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT
				NT02	Cột A
1	COD ^(#)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	18	75
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(#)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	KPH LOD = 5	50
3	Asen (As) ^(#)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	KPH LOD=0,0005	0,05
4	Thủy ngân (Hg) ^(#)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH LOD= 0,0003	0,005
5	Chì (Pb) ^(#)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH LOD= 0,002	0,1
6	Cadimi (Cd) ^(#)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH LOD= 0,0002	0,05

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT02: Nước thải đầu ra (X: 1175666; Y: 0424832);
- KPH: Không phát hiện/LOD: Giới hạn phát hiện;
- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- ^(#): Thông số được chứng nhận Vilas.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

Giám đốc Trung tâm



Đinh Tấn Thu